

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/DS-PT

Ngày: 07-7-2017

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chung.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và ông Trương Công Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 52/2017/TLPT-DS ngày 09/5/2017, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 16/3/2017 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 78/2017/QĐ-PT ngày 05/6/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H – sinh năm 1984

Địa chỉ: Số nhà 103, khối 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Võ Đình T và bà Mai Thị H.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Ông T có mặt, bà H vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phạm Thị T – sinh năm 1958.

Địa chỉ: Số nhà 103, khối 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

4. *Người kháng cáo:* Ông Võ Đình T – sinh năm 1967.

Địa chỉ: Thôn 8A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Trần Thị Thu H trình bày: Chị Trần Thị Thu H trước đây cùng chung sống khối 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk nên có quen biết nhau. Vào ngày 30/10/2013 âm lịch vợ chồng ông Võ Đình T, bà Mai Thị H có vay của chị H số tiền 70.000.000 đồng, thời hạn trả nợ vào ngày 30/4/2015 âm lịch. Mặc dù đã quá hạn thời hạn trả nợ và chị H có đến nhà ông T, bà H đòi nhiều lần nhưng ông T, bà H hứa hẹn nhiều lần và không chịu trả cho chị H, đến khoảng cuối tháng 3 năm 2015, vợ chồng ông T, bà H chuyển đến sinh sống, làm ăn tại thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Kể từ ngày vay cho đến nay ông T, bà H đã trả cho chị H được 1.500.000 đồng tiền lãi. Nay chị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Võ Đình T, bà Mai Thị H có nghĩa vụ phải trả cho chị H số tiền nợ gốc là 70.000.000 đồng và khoản nợ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử.

Vợ chồng ông Võ Đình T, bà Mai Thị H thừa nhận chữ ký, chữ viết, nội dung trong giấy vay tiền đề ngày 30/10/2013 âm lịch là do ông Võ Đình T tự viết và ký tên. Ông Võ Đình T, bà Mai Thị H cũng thừa nhận là có nợ chị H số tiền 70.000.000 đồng, tuy nhiên ông T, bà H cho rằng đã trả cho chị H được 8.000.000 đồng. Ông Võ Đình T, bà Mai Thị H còn cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là 40.000 đồng/1 triệu/tháng và đã trả lãi từ năm 2013 đến ngày 28/8/2015. Nay còn nợ chị H 62.000.000 đồng. Hiện nay do nhiều người nợ ông T, bà H nhưng chưa trả nên ông T, bà H không có khả năng trả số tiền nói trên cho chị H; ông T, bà H không có yêu cầu phản tố, chỉ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị T thừa nhận có nhận tiền từ ông Võ Đình T số tiền 8.000.000 đồng, nhưng đó là tiền trả cho khoản nợ 15.000.000 đồng mà ông T, bà H còn nợ bà T, không liên quan đến khoản nợ của chị H. Bà T đã cung cấp giấy vay đề ngày 10/12/2013 cho Tòa án đối với khoản vay 15.000.000 đồng. Bà T không yêu cầu giải quyết gì mà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2017/DSST ngày 16/3/2017, Tòa án nhân dân huyện Krông Buk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 và Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

Buộc vợ chồng ông Võ Đình T, bà Mai Thị H phải trả cho chị Trần Thị Thu H tổng số tiền 94.041.000 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi 24.041.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn giải quyết về án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/3/2017, bị đơn ông Võ Đình T kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án xem xét lại nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đình T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H cho rằng vợ chồng ông Võ Đình T và bà Mai Thị H có vay số tiền 70.000.000 đồng của bà H, thời hạn trả nợ từ ngày 30/10/2013 đến ngày 30/4/2015 âm lịch. Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng vợ chồng ông T và bà H không thanh toán cho bà H. Việc vay mượn này có giấy tờ, chữ ký của các bên, các bên đều thừa nhận. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc vợ chồng ông T, bà H phải trả nợ cho bà H số tiền nợ gốc và lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Võ Đình T, Hội đồng xét xử xét thấy, ông T cho rằng đã trả số tiền 8.000.000 đồng và lãi suất thỏa thuận miệng là 40.000 đồng/1 triệu/ tháng và đã trả lãi từ năm 2013 đến ngày 28/8/2015 là không phù hợp. Bởi lẽ tại giấy mượn tiền ngày 10/12/2013 (Bút lục 25) (do bà Phạm Thị T cung cấp) có nội dung bà Mai Thị H (vợ ông T) có vay của bà Phạm Thị T số tiền 15.000.000 đồng và cũng trong tài liệu này thể hiện ngày 29/3 trả 5.000.000 đồng, ngày 06/4/2015 trả 3.000.000 đồng, tổng là 8.000.000 đồng, còn nợ lại 7.000.000 đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm ông T chỉ thừa nhận đã trả 8.000.000 đồng cho khoản vay của bà Trần Thị Thu H là không phù hợp. Mặt khác ông T cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình nên việc kháng cáo của ông T là không có căn cứ.

[3] Đối với khoản lãi, các bên có tranh chấp về lãi suất nên áp dụng khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết. Khi áp dụng thì áp dụng lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ, lãi suất cơ bản 9%/năm. Lẽ ra khoản tiền lãi mà bị đơn phải trả là:

+ Nợ lãi trong hạn từ ngày 02/12/2013 (tức 30/10/2013 AL) đến ngày 15/6/2015 (lấy ngày 29/4/2015 AL) là 70.000.000 đồng x 18 tháng 13 ngày x 0.75%/tháng = 9.677.500 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn từ ngày 16/6/2015 đến ngày 16/3/2017 (ngày xét xử) là 70.000.000 đồng x 21 tháng x 1,125%/tháng = 16.537.500 đồng.

Tổng cộng lãi là 9.677.500 đồng + 16.537.500 đồng = 26.215.000 đồng.

Tuy nhiên án sơ thẩm chỉ tính lãi là 25.541.000 đồng là bất lợi cho nguyên đơn, nhưng do nguyên đơn không kháng cáo, bị đơn kháng cáo, do đó Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét mà Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Áp dụng Điều 471, khoản 5 Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Đình T.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

Buộc vợ chồng ông Võ Đình T, bà Mai Thị H phải trả cho chị Trần Thị Thu H tổng số tiền 94.041.000 đồng (Chín mươi bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) và nợ lãi 24.041.000 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Phản án phí:

Ông Võ Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp theo hai biên lai số AA/2014/0038221 ngày 03/4/2017 và biên lai số AA/2014/0038244 ngày 25/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Buk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Buk;
- Chi cục THADS huyện Krông Buk;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chung